

序號	班級	學號	姓名	越南姓名		
1	101	210014	何偉儒	Hà	Vĩ	Nho
2	101	210028	童楷翔	Đồng	Khải	Tường
3	101	210030	劉宇軒	Lưu	Vũ	Hiên
4	101	210032	駱宥辰	Lạc	Hựu	Thần
5	102	210049	呂柏諺	Lữ	Bá	Ngạn
6	102	210050	李杰穎	Lý	Kiệt	Dĩnh
7	102	210058	陳翊嘉	Trần	Dục	Gia
8	102	210059	陳達陞	Trần	Đạt	Thăng
9	102	210065	鄭喬禮	Trịnh	Kiều	Lễ
10	103	210074	童于軒	Đồng	Vu	Hiên
11	103	210075	黃宥瑄	Hoàng	Hựu	Tuyên
12	103	210076	劉映均	Lưu	Ánh	Quân
13	103	210096	廖英傑	Liêu	Anh	Kiệt
14	104	290009	吳基瀚	Ngô	Cơ	Hân
15	104	290011	林育聖	Lâm	Dục	Thánh
16	104	290024	曾子維	Tăng	Tử	Duy